TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM THUẬN NAM** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2023/DS-ST
Ngày: 22/8/2023.
Về việc: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN NAM, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vũ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Phương

2. Ông Thông Minh Tấn;

- Thư ký phiên tòa: ông Ngô Duy KhA

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam tham gia phiên tòa: bà Cao Thị Nga

Ngày 22/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Hàm Thuận Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 61/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXX-ST ngày 31 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **ông C.Th.S – sinh năm 1988 (có mặt)**
Địa chỉ: thôn H1.H2, xã T.H3, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: **bà Th.T.A – sinh năm 1969 (có mặt)**
Địa chỉ: thôn H1.H2, xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: **bà Ng.Th.V.Tr –1992**
Địa chỉ: thôn H1.H2, xã T.H3, thị xã L.G, tỉnh Bình Thuận.
Đại diện theo ủy quyền của bà Ng.Th.V.Tr: **ông C.Th.S**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn ông C.Th.S trình bày: ông có quen biết bà Huỳnh Thị Bích Th, bà Th giới thiện bà Th.T.A cho ông, ngày 09/11/2021, bà A đề nghị vay của ông số tiền 700.000.000 đồng thì

ông đồng ý, ông đã cho bà A vay 700.000.000 đồng vào ngày 09/11/2021, khi vay hai bên có đến Văn phòng công chứng LaGi ký kết hợp đồng và được VPCC công chứng hợp đồng vay.

Cũng trong ngày 09/11/2021 sau khi ký kết hợp đồng vay, ông đã giao đủ tiền mặt 700.000.000 đồng cho bà A ngay tại Văn phòng công chứng. Việc giao tiền có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị Bích Th.

Thời hạn vay là 1 năm (kể từ ngày 09/11/2021 đến ngày 09/11/2022), lãi suất 2 bên thỏa thuận trong hợp đồng là 20%/năm, mỗi tháng bà A phải thanh toán cho ông 11.666.667 đồng, tuy nhiên trên thực tế bà A đã thanh toán cho ông được 3 tháng tiền lãi tháng 11/2021, 12/2021 mỗi tháng 28.000.000 đồng và tháng 01/2022 là 16.500.000 đồng. Sau đó thì không trả cho ông tiền gốc lẫn tiền lãi.

Tại thời điểm vay thì bà A không có thế chấp hoặc cầm cố tài sản gì cho ông. Sau này đến tháng 6/2022 thì bà A có giao cho ông Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà A S tên qua cho ông nhưng hai bên có thỏa thuận khi nào bán được đất thì tiền bán đất được trừ vào nghĩa vụ trả nợ. hiện nay đất chưa bán được cho ai.

Số tiền 700.000.000 đồng mà ông cho bà Th.T.A vay là tài chung của vợ chồng ông, ông và vợ ông là Ng.Th.V.Tr.

ông khởi kiện yêu cầu bà Th.T.A thanh toán cho vợ chồng ông toàn bộ số tiền vay còn nợ là:

+ Tiền vay gốc còn nợ là **700.000.000 đồng**

+ Tiền lãi trong hạn từ 09/02/2022 đến 09/11/2022 là **104.580.000 đồng**

+ Tiền lãi quá hạn từ ngày 10/11/2022 tạm tính đến 24/02/2023 là **43.575.000 đồng.**

Quá trình giải quyết và tại phiên tòa bị đơn là bà Th.T.A trình bày: ngày 09/11/2021, bà có vay của ông C.Th.S số tiền 700.000.000 đồng , khi vay hai bên có đến Văn phòng công chứng LaGi ký kết hợp đồng và được VPCC công chứng hợp đồng vay.

Cũng trong ngày 09/11/2021 sau khi ký kết hợp đồng vay, ông S đã giao đủ tiền mặt 700.000.000 đồng cho bà ngay tại Văn phòng công chứng. việc giao tiền có sự chứng kiến của bà Huỳnh Thị Bích Th.

Mục đích bà vay tiền của ông S để trả nợ cho người khác.

Thời hạn vay là 1 năm (kể từ ngày 09/11/2021 đến ngày 09/11/2022), lãi suất 2 bên thỏa thuận trong hợp đồng là 20%/năm, tuy nhiên thực tế mỗi tháng bà phải trả 28.000.000 đồng tiền lãi ngay từ tháng đầu.

Tiền lãi này bà đã thanh toán cho ông Si được 3 tháng tiền lãi tháng 11/2021, 12/2021 mỗi tháng 28.000.000 đồng và tháng 01/2022 với số tiền 16.500.000 đồng, tổng cộng 3 tháng là 72.500.000 đồng. Sau đó thì bà không còn khả năng trả lãi nữa, do làm ăn khó khăn, đau bệnh liên miên.

Nay với yêu cầu khởi kiện của ông S bà chỉ đồng ý trả 700.000.000 đồng tiền gốc, còn không đồng ý trả tiền lãi phát sinh.

Tháng 6/2022 thì bà giao cho ông S giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của mình, ông S đã S tên đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên, hai bên có thỏa thuận sau này đất bán được sẽ trừ vào nghĩa vụ trả tiền.

Quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ng.Th.V.Tr thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

vụ án không tiến hành hòa giải

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Nam phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện các thủ tục đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần Hội đồng xét xử đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Các đương sự thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

Về yêu cầu của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn bà Th.T.A trả cho ông C.Th.S và bà Ng.Th.V.Tr toàn bộ số tiền **916.470.415 đồng**.

Trong đó: tiền gốc là **661.678.769 đồng**

Lãi trong hạn là **99.251.815 đồng**

Lãi quá hạn là **155.539.831 đồng**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết**:** Nguyên đơn ông C.Th.S nộp đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Th.T.A có địa chỉ tại thôn H1.H2, xã T.Th, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận, từ đó có đủ căn cứ xác định quan hệ tranh chấp là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Do đó, theo quy định tại khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận.

[2] Về nội dung tranh chấp

[2.1] về số tiền nợ gốc: Tại phiên tòa ông C.Th.S yêu cầu bà Th.T.A thanh toán toàn bộ số tiền 700.000.000 đồng cho ông C.Th.S .

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án chứng cứ là bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 09/11/2021 được công chứng tại Văn phòng công chứng L.G cùng ngày.

Bị đơn cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền gốc là 700.000.000 đồng, lãi suất ghi trong hợp đồng là 20%/năm, thực tế mỗi tháng bà phải trả 28.000.000 đồng tiền lãi ngay từ tháng đầu và tháng thứ 2, đến tháng thứ 3 trả tiền lãi là 16.500.000 đồng. do nguyên đơn thừa nhận, nên có cơ sở chấp nhận.

Xét thấy: số tiền lãi mà bị đơn đã trả vượt quá thỏa thuận của các bên và quy định tại khoản 1 Điều 468. Do đó căn cứ theo khoản 1 điều 468, Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất cao nhất là 20%/năm để làm căn cứ tính lãi suất. Phần lãi suất vượt quá không có hiệu lực được trừ vào tiền gốc.

Vì vậy căn cứ theo quy định tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng

01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm:

"Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì được trả lại cho bên vay."

Lãi suất được tính lại cụ thể như sau:

Tháng đầu tiên (09/11/2021 – 09/12/2021) Số tiền gốc là 700.000.000 đồng. Số tiền vượt quá là 28.000.000 – (700.000.000x20%):12 = 16.333.333 đồng được trừ vào số tiền gốc : 700.000.000 – 16.333.333 đồng còn 683.666.667 đồng

Tháng thứ 2 (10/12/2021 – 09/01/2022) tiền gốc là 683.666.667 đồng. Số tiền lãi vượt quá là 28.000.000 – (683.666.667x20%):12 = 16.605.556 đồng được trừ vào số tiền gốc là 683.666.667 - 16.605.556 = 667.061.111 đồng

Tháng thứ 3 (10/01/2022 – 09/02/2022) tiền gốc là 667.061.111 đồng Số tiền vượt quá là 16.500.000 – (667.061.111x20%):12 = 5.382.342 đồng được trừ vào số tiền gốc : 667.061.111 – 5.382.342 đồng còn 661.678.769 đồng

Từ đó Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận việc bà Th.T.A còn nợ lại ông C.Th.S số tiền gốc là 661.678.769 đồng là có thật, do đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.2] Về lãi suất trong hạn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn từ ngày 10/2/2022 đến ngày 09/11/2022, do từ thời điểm ngày 10/02/1022 trở đi bị đơn không tiếp tục trả lãi, điều này được bị đơn thừa nhận, do đó có cơ cơ sở chấp nhận yêu cầu tính lãi suất trong hạn từ ngày 10/2/2022 đến ngày 09/11/2022 với lãi suất 20%/năm.

Như vậy lãi trong hạn là 661.678.769x20/100/12x9=**99.251.815 đồng**

Về lãi quá hạn: nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải chịu tiền lãi quá hạn kể từ 10/11/2022 đối với 150% lãi suất trong hạn thành 30%/năm đối với nợ gốc còn lại: từ ngày 10/11/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm 22/8/2023 là 286 ngày như sau: 661.678.769x30/100/365x286= **155.539.831 đồng**

[3.3] Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận định bị đơn có

vay nguyên đơn số tiền 700.000.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc là 661.678.769đồng là có thật, do đó chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- buộc bị đơn bà Th.T.A trả cho ông C.Th.S và bà Ng.Th.V.Tr toàn bộ số tiền **916.470.415 đồng**.

Trong đó: tiền gốc là **661.678.769 đồng**

Lãi trong hạn là **99.251.815 đồng**

Lãi quá hạn là **155.539.831 đồng**

[3.4] Về nghĩa vụ chậm thi hành án

Áp dụng Điều 13 Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để tuyên lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ như sau: Hợp đồng vay tài sản giữa các bên có thỏa thuận về việc trả lãi nhưng không có thỏa thuận về mức lãi suất nợ quá hạn thì mức lãi suất nợ quá hạn = 150%. Trong vụ án này các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 20%/năm, Do đó kể từ ngày 23/8/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm;

[4] Về việc bà A giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông S, ông S đã S tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, giữa các bên tự thống nhất sau này đất bán được bao nhiêu sẽ trừ vào nghĩa vụ trả tiền, quá trình giải quyết và tại phiên tòa các bên đều không có yêu cầu gì nên Hội đồngg xét xử không xem xét. Nếu sau này giữa các bên phát sinh tranh chấp từ việc chuyển nhượng đất thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

[5] Về án phí Dân sự sơ thẩm: nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận; bị đơn phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 3 điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 143, 144, và Điều 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 463, 466, 467, 468 của Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 01/2019 ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông C.Th.S .

- buộc bị đơn bà Th.T.A trả cho ông C.Th.S và bà Ng.Th.V.Tr toàn bộ số tiền **916.470.415 đồng.**

Trong đó: tiền gốc là **661.678.769 đồng**

Lãi trong hạn là **99.251.815 đồng**

Lãi quá hạn là **155.539.831 đồng**

Kể từ ngày 23/8/2023 trở đi cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn là 30%/năm;

**** Về án phí:***

Bà Th.T.A phải chịu 39.494.112 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông C.Th.S chịu 1.916.061 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 18.722.325 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại nộp tạm ứng án phí, lệ phí số 0013274 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Hàm Thuận Nam. Hoàn trả cho ông C.Th.S 16.806.264 đồng tiền tạm ứng án phí nói trên.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Như Điều 269 Bộ luật tố tụng dân sự;*
- *Lưu.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thúy Vũ